

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG THÀNH
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2019/HS-ST.

Ngày: 10/4/2019.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **La Thị Hồng Gấm**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Văn Phước**.

2. Ông **Phạm Văn Huỳnh**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Lê Thị Hoài Diễm** – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Long Thành.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành tham gia phiên tòa: Bà **Huỳnh Đức Xuân Thương** – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 31/2019/TLST-HS ngày 06 tháng 3 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2019/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 3 năm 2019 đối với bị cáo:

Bùi Ngọc C, sinh ngày 28/11/1982 tại tỉnh Đồng Nai.

Hộ khẩu thường trú: Số 9, khu phố 1, phường L, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Nghề nghiệp: không; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Bùi Văn C và bà Nguyễn Thị L. Có vợ tên Nguyễn Thị Thu N và có 02 con, lớn nhất sinh năm 2008, nhỏ nhất sinh năm 2011.

Tiền án: không.

Tiền sự:

+ Ngày 10/11/2012 bị chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Biên Hòa áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở chữa bệnh bắt buộc. Chấp hành xong ngày 10/11/2014.

+ Ngày 20/5/2016 bị Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc. Chấp hành xong ngày 26/10/2017.

+ Ngày 02/11/2018 bị Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc. Bị cáo chưa chấp hành.

Bị bắt tạm giữ ngày 22/01/2019 và chuyển tạm giam đến nay (có mặt).

- *Người bị hại:* Anh **Trần Văn H**, sinh năm: 1970 (có mặt).

Hộ khẩu thường trú: Số 3, tổ 5, Khu 12, xã L, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

- *Người làm chứng:* Anh **Võ Khắc K**, sinh năm: 1987 (vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ 2, khu phố 1, phường L, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bùi Ngọc C là người nghiện ma túy không có nghề nghiệp ổn định. Lúc 16 giờ ngày 16/01/2019, C đi bộ qua nhà anh Trần Văn H ở tổ 5, khu 13, xã L. Cảnh phát hiện xe mô tô hiệu Honda Wave RSX, màu đen biển số 60C1-927.17 của anh Hải đang dựng trong sân nhà, chìa khóa xe còn cắm trên ổ khóa, không người trông coi nên C mở cửa cổng đi vào dẫn xe ra khỏi sân, nổ máy điều khiển xe chạy thoát về hướng Quốc lộ 51. C ghé vào cây xăng ven đường dừng xe để đổ xăng thì nhìn thấy trong cốp xe có 01 cavet xe mang tên Trần Văn H và số tiền 5.000.000 đồng (mệnh giá 100.000 đồng). Sau đó C thay biển số xe 60C1-927.17 của xe trộm được thành biển số 36B2-427.61 do C nhặt được trên đường và sử dụng xe làm phương tiện đi lại. Đến 10 giờ ngày 22/01/2019, C điều khiển xe trên đến địa bàn phường An Bình, thành phố Biên Hòa thì bị người dân nghi ngờ có biểu hiện trộm cắp nên bắt giữ giao Công an phường An Bình, thành phố Biên Hòa lập hồ sơ ban đầu chuyển giao Công an huyện Long Thành xử lý.

Đối với số tiền trộm được, C mua 01 điện thoại Oppo màu đỏ trị giá 3.200.000 đồng, tiêu xài cá nhân 300.000 đồng. Khi bị bắt thu giữ trong người C số tiền 1.500.000 đồng.

Tại kết luận định giá tài sản tố tụng hình sự số 13/HĐĐG ngày 13/2/2019 của Hội đồng định giá tài sản tố tụng hình sự huyện Long Thành kết luận: 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Wave RSX, màu đen biển số 60C1-927.17, số máy 180933, số khung 040183 (đã qua sử dụng) trị giá 5.000.000 đồng.

Vật chứng vụ án: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Wave RSX, màu đen biển số 60C1-927.17 kèm 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô trên đã trả lại cho bị hại xong.

- 01 điện thoại Oppo màu đỏ và số tiền 1.500.000 đồng thu giữ của bị cáo

đã chuyển Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Thành để đảm bảo thi hành án.

- 01 biển số xe 36B2-427.61 bị cáo khai nhặt được trên đường dùng làm công cụ phạm tội, 01 ống tuýp sắt dài 30cm, 01 cây sắt dài 22cm, 01 cây sắt bên ngoài quấn băng keo màu đen, 01 con dao tự chế bị cáo khai nhặt được đã chuyển Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Thành.

Tại bản cáo trạng số 40/CT-VKSLT ngày 28 tháng 02 năm 2019 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Long Thành đã truy tố bị cáo Bùi Ngọc C về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017) để xử phạt bị cáo C từ 08 đến 10 tháng tù giam.

Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa người bị hại anh Trần Văn H yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 5.000.000 đồng nên đề nghị buộc bị cáo bồi thường cho anh H 5.000.000 đồng.

Căn cứ vào các chứng cứ tài liệu có tại hồ sơ; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, người bị hại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Người làm chứng anh Võ Khắc K đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ để tham gia phiên tòa nhưng anh Kiệt vắng mặt, lời khai của anh Kiệt đã có đầy đủ trong hồ sơ vụ án; Tòa án xét xử vắng mặt người làm chứng theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Long Thành, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đều hợp pháp, đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục được quy định trong Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo không có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[3] Về chứng cứ xác định có tội, chứng cứ xác định không có tội: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai bị hại, người làm chứng cùng các

vật chứng, chứng cứ, tài liệu đã được thu thập tại hồ sơ vụ án. Tại phiên tòa, bị cáo Bùi Ngọc C khai nhận: Lúc 16 giờ ngày 16/01/2019, tại tổ 5, khu 12, xã L, huyện Long Thành, Bùi Ngọc C có hành vi lén lút chiếm đoạt của anh Trần Văn H 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Wave RSX, màu đen biển số 60C1-927.17, số máy 180933, số khung 040183 (đã qua sử dụng) trị giá 5.000.000 đồng và số tiền 5.000.000 đồng để trong bóp xe của anh Trần Văn H, tổng trị giá tài sản do C chiếm đoạt là 10.000.000 đồng. Đã có đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo Bùi Ngọc C đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[4] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội: Xét tính chất vụ án là ít nghiêm trọng nhưng hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, tác động xấu đến trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo có nhân thân xấu, là người nghiện ma túy bị Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc nhưng bị cáo chưa chấp hành, do có tư tưởng hưởng thụ, muốn chiếm đoạt tài sản của người khác để tiêu xài nên bị cáo đã cố ý thực hiện hành vi phạm tội, bất chấp sự trừng trị của pháp luật. Do đó, cần xử phạt bị cáo một mức án nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, nhằm răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[5] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là bị cáo tỏ thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên xem xét áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra người bị hại anh Trần Văn H khai bị mất số tiền 10.000.000 đồng để trong bóp xe, nhưng qua đối chất bị cáo C khai chỉ chiếm đoạt số tiền 5.000.000 đồng và cũng không có chứng cứ nào khác xác định lời khai của bị hại H là có căn cứ. Tại phiên tòa anh H chỉ yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 5.000.000 đồng nên cần buộc bị cáo C bồi thường cho anh H 5.000.000 đồng.

[7] Về vật chứng vụ án:

- 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Wave RSX, màu đen biển số 60C1-927.17, số máy 180933, số khung 040183 và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô trên đã trả lại cho anh Trần Văn H là đúng quy định pháp luật.

- 01 điện thoại Oppo màu đỏ và số tiền 1.500.000 đồng thu giữ của bị cáo được đảm bảo để thi hành án.

- Cần tịch thu tiêu hủy 01 biển số xe 36B2-427.61 bị cáo khai nhặt được trên đường dùng làm công cụ phạm tội, 01 ống tuýp sắt dài 30cm, 01 cây sắt dài 22cm, 01 cây sắt bên ngoài quán băng keo màu đen, 01 con dao tự chế.

[8] Ngoài ra Bùi Ngọc C còn khai nhận khoảng tháng 10/2018, C có hành vi trộm cắp 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade tại phường Long Bình Tân, thành phố Biên Hòa, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Long Thành đã thông báo Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa tiếp nhận điều tra xử lý theo thẩm quyền.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Tuyên bố bị cáo **Bùi Ngọc C** phạm tội **“Trộm cắp tài sản”**.

Xử phạt bị cáo **Bùi Ngọc C 09 (chín) tháng tù**. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt 22/01/2019.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015, Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Buộc bị cáo Bùi Ngọc C phải bồi thường cho người bị hại anh Trần Văn H số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng).

Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự và áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Tịch thu tiêu hủy 01 biển số xe 36B2-427.61, 01 ống tuýp sắt dài 30cm, 01 cây sắt dài 22cm, 01 cây sắt bên ngoài quán băng keo màu đen, 01 con dao tự chế.

Đối với 01 điện thoại di động hiệu Oppo màu đỏ và số tiền 1.500.000 đồng thu giữ của bị cáo được đảm bảo để thi hành án.

Các vật chứng và tài sản này hiện đang lưu giữ tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Long Thành theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 04/3/2019 và Biên lai thu tiền số 006761 ngày 04/3/2019.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi

hành án Dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo C phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo và người bị hại được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai (1);
- VKSND tỉnh Đồng Nai (1);
- VKSND H. Long Thành (1);
- Công an H. Long Thành (3);
- Chi cục THADS H. Long Thành (1);
- Bị cáo, Người bị hại(1);
- Lưu (6).

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

La Thị Hồng Gấm